

**TÒA ÁN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/03/2022

V/v Tranh chấp

‘HônN và gia đình –

Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩmN dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa ánN dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sátN dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Hương - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa ánN dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2021/TLST-**HNGĐ**, ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Trông chấp về HônN và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1993(Có mặt)

Địa chỉ: ấp Sơn Tân, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Thành N, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bắc Thạnh, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị T và anh N chung sống với nhau vào năm 2010 và không đăng ký kết hôn. Nay do tính tình không còn phù hợp, mâu thuẫn trầm trọng, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau nguyênN do khó khăn về kinh tế, anh N không lo làm ăn và hay đánh chị, tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn anh N

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Trịnh Hoài M, sinh ngày 04/5/2011, Trịnh Nguyễn Băng T, sinh ngày 16/9/2012 hai cháu đang sống với anh N, Sau khi ly hôn anh đồng ý để anh N nuôi 02 con, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trịnh Thành N trình bày: Thống nhất về thời gian sống chung với chị T, cuộc sống ban đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, hay gây cãi anh chị đã không còn sống chung năm 2020, tuy nhiên vẫn còn tình cảm và thương chị T nên không đồng ý ly hôn với T.

Về con chung: Có 02 con chung Trịnh Hoài Minh, sinh ngày 04/5/2011, Trịnh Nguyễn Băng T, sinh ngày 16/9/2012 hai cháu đang sống với anh N. Sau khi ly hôn anh N nuôi 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị: Về hôn N: Không công nhận quan hệ của chị T và anh N là vợ chồng; Về con chung: Anh N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trịnh Hoài M, sinh ngày 04/5/2011, Trịnh Nguyễn Băng T, sinh ngày 16/9/2012, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ T làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Thành N, sinh năm 1989, có địa chỉ cư trú: ấp Bắc Thạnh, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án N dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Trịnh Thành N sống chung như vợ chồng từ năm 2010 nhưng đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh N. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T,

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống do chị T và anh N bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, mất lòng tin với nhau, anh N còn hay đánh chị. Chị T thừa nhận đã không còn tình cảm với anh N, không còn khả năng đoàn tụ nên đã không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Anh N cho rằng vẫn còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại thời điểm này anh N và chị T đã đủ độ tuổi để kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn, đến nay anh, chị cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do anh, chị không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Tòa án không giải quyết cho chị T và anh N ly hôn mà cần không công nhận chị T và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung Trịnh Hoài Minh, sinh ngày 04/5/2011, Trịnh Nguyễn Băng Tuyền, sinh ngày 16/9/2012 hai cháu đang sống với anh N. Sau khi ly hôn anh N nuôi 02 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi không còn sống chung với anh N đến nay thì 02 cháu do anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành ổn định, cuộc sống đã thích nghi với môi trường sống hiện tại và quyền lợi mọi mặt của 02 cháu được đảm bảo. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai, nguyện vọng của hai cháu đều muốn được sống với anh N. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của 02 cháu, giao 02 cháu cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. chị T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh N phải tạo điều kiện cho chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc 02 con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Do chị T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Trịnh Thành N là vợ chồng.

- **Về con chung:** Anh Trịnh Thành N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trịnh Hoài M, sinh ngày 04/5/2011, Trịnh Nguyễn Băng T, sinh ngày 16/9/2012, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ghi nhận Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Thịnh Thành N không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị T và anh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn N và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008634 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- **UBND xã Thoại Giang**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, V.phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hằng